|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | PHÒNG GD-ĐT QUẬN ĐỐNG ĐA  **TRƯỜNG THCS HUYVĂN** |  | | **NỘI DUNG ÔN TẬP - MÔN TIẾNG ANH 6**  **(Thời gian nghỉ dịch covid-19 từ ngày 13/4 đến 18/4)** |

1. **Grammar:**

**The present perfect tense**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu khẳng định** | **Câu phủ định** | **Câu nghi vấn** |
| **S + have/ has + PII.**  CHÚ Ý:  – S = I/ We/ You/ They + have  – S = He/ She/ It + has  Ví dụ:  –  I **have graduated** from my university since 2012. (*Tôi tốt nghiệp đại học từ năm 2012.)*  – She **has worked**for this company for 4 years. (*Cô ấy làm việc cho công ty này 4 năm rồi.*) | **S + haven’t/ hasn’t + PII.**  CHÚ Ý:  – haven’t = have not  – hasn’t = has not  Ví dụ:  – We **haven’t met** each other for a long time.(*Chúng tôi không gặp nhau trong một thời gian dài rồi.*)  –  Daniel **hasn’t come** back his hometown since 2015. (*Daniel không quay trở lại quê hương của mình từ năm 2015.)* | **Q: Have/Has + S + PII?**  **A: Yes, S + have/ has.**  **No, S + haven't / hasn't.**  Ví dụ:  **Have** you ever **travelled** to Vietnam? (*Bạn đã từng du lịch tới Việt Nam bao giờ chưa?)*  Yes, I have./ No, I haven’t.  – **Has** she **arrived**London yet? (*Cô ấy đã tới Luân Đôn chưa?)*  Yes, she has./ No, she hasn’t. |

1. **Exercises:**

**I. Give the correct form of the verbs in brackets using the present perfect tense:**

1. There is no more cheese. I (eat)……………. it all, I’m afraid.

2. Someone (take)………………. my bicycle.

3. ………You ever (eat)………….. Sushi?

4. She (not/come)…………… here for a long time.

5. I (work…………..) here for three years.

6. ………… You ever …………..(be) to New York?

7. I just (see)………. Andrew and he says he ……..already (do)………. about half of the plan.

8. He (be)…………. at his computer for seven hours.

9. She (not/have) ……………any fun a long time.

10. My father (not/ play)……….. any sport since last year.

11. I don’t live with my family now and we (not/see)…………. each other for five years.

12. How long…….. (you/know)………. each other?

13. (She/ eat)………………. at the Royal Hotel yet?

14. Is this the second time he (lose)……………. his job?

15. We (finish) ……………………three English courses.

**II. Answer these question using the given words and present perfect tense: *Example:***

***Would you like something to eat?***

 No, thanks. ..... I have just had lunch... (I / just / have / lunch)

***1. Do you know where Julia is?***

Yes, ……………………………………………………………… (I / just / see / her)

***2. What time is David leaving?***

…………………………………………………………………(He / already / leave)

***3. What's in the newspaper today?***

I don't know. ……………………………………………………….. (I / not / read / it / yet)

***4. Is Sue coming to the cinema with us?***

No, …………………………………………………………… (She / already / see / the film)

***5. What does Tim think about your plan?***

...........................................................................................................(we / not / tell / him / yet)